

Điện Biên, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số: 82/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 125/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Lương Thu N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản L (nay là bản H), xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

* **Bị đơn:** Anh Lò Văn Tinh, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản T (nay là bản T 1), xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thu N và anh Lò Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thu N và anh Lò Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thu N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lò Lương Khải A, sinh ngày 02/8/2019 cho đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh Lò Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu A đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả

năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng; Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15/4/2021.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, thì chị N phải chịu 75.000 đồng án phí DSST(*án phí ly hôn*), anh T phải chịu 75.000 đồng án phí DSST(*án phí ly hôn*) và 150.000 đồng án phí DSST(*án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*), nhưng chị N tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm của chị N và anh T bao gồm (*án phí ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*) tổng là 300.000 đồng sẽ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000868 ngày 25/02/2021. Chị N đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã H.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Thủy